

NGŨ VĂN 7 – TUẦN 6

Tiết 21	Sông núi nước Nam
Tiết 22	Phò giá về kinh
Tiết 23	Từ Hán Việt + Từ Hán Việt (tt)
Tiết 24	Côn Sơn ca (tự đọc) + Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra (tự đọc)

Tiết 21

Văn bản:

SÔNG NÚI NƯỚC NAM (Nam quốc sơn hà)

I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG

- Tác giả:** (SGK/63)
- Tác phẩm:**
 - Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt.
 - Bài thơ từng được coi là Bản tuyên ngôn Độc lập đầu tiên của dân tộc.
 - Bố cục: 2 phần.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Hai câu đầu:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
(Sông núi nước Nam vua Nam ở
Vằng vặc sách trời chia xứ sở)*

- Nghệ thuật: ngôn ngữ trang trọng, ý thơ đanh thép.
- Nội dung: Khẳng định chủ quyền lãnh thổ của đất nước, quyền độc lập và tự chủ của dân tộc:
 - + Nước Nam là của người Nam => Khẳng định ý thức độc lập, bình đẳng, tự cường ngang hàng, không phụ thuộc vào nước lớn.
 - + Sự phân định địa phận, lãnh thổ đó được ghi ở "thiên thư" => Chủ quyền lãnh thổ của dân tộc Việt Nam là một điều hiển nhiên, rõ ràng, không thể khác.

2. Hai câu cuối:

*Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.
(Giặc dữ có sao phạm đến đây
Chúng mày nhất định phải tan vỡ.)*

Nghệ thuật: Nhịp thơ: 2/2/3, nhanh, mạnh và dứt khoát.

Nội dung: Khẳng định niềm tin, ý chí quyết tâm chiến thắng kẻ thù bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập dân tộc.

III. TỔNG KẾT

Ghi nhớ (SGK/65).

IV. DẶN DÒ

- Học thuộc bài thơ.
- Xem lại nội dung bài.

Tiết 22

Văn bản:

PHÒ GIÁ VỀ KINH (Tụng giá hoàn kinh sư)

Trần Quang Khải

I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả: (SGK/66)
2. Tác phẩm:
 - Hoàn cảnh sáng tác: (SGK/67)
 - Thể thơ: Ngũ ngôn tứ tuyệt.
 - Bố cục: 2 phần.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Hai câu đầu:

*Đoạt sáo Chương Dương độ,
Cầm Hồ Hàm Tử quan.
(Chương Dương cướp giáo giặc,
Hàm Tử bắt quân thù.)*

Nghệ thuật:

- Nhịp thơ 2/3, giọng thơ mạnh mẽ, dứt khoát.
- Động từ mạnh: cướp, bắt => Khí thế hào hùng của dân tộc.
- Đảo ngược trật tự thời gian: Đưa trận Chương Dương (tháng 6) lên trước trận Hàm Tử (tháng 4).

Nội dung:

- Tái hiện chiến thắng hào hùng của dân tộc. Phản ánh sự thất bại thảm hại của kẻ thù.
- Thể hiện khí thế hào hùng của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.

2. Hai câu cuối:

*Thái bình tu trí lực,
Vạn cổ thử giang san.
(Thái bình nên gắng sức,
Non nước ấy ngàn thu.)*

Nghệ thuật: Đảo trật tự thời gian, thứ tự, sử dụng động từ mạnh, giọng điệu khỏe khoắn, phân chân, tự hào.

Nội dung: Lời động viên xây dựng, phát triển đất nước trong hòa bình và niềm tin sắt đá vào sự bền vững muôn đời của đất nước.

I. TỔNG KẾT

Ghi nhớ (SGK/68)

II. DẶN DÒ

- Học thuộc thơ.
- Xem lại nội dung bài.

Tiết 23: Tiếng Việt

TỪ HÁN VIỆT + TỪ HÁN VIỆT (TIẾP THEO)

I. Từ ghép Hán Việt

1. Ví dụ (SGK/70)

a.

- Sơn hà: núi + sông
- Giang sơn: sông + núi
- Xâm phạm: Lấn + chiếm

➔ Do 2 yếu tố Hán Việt ghép lại, giữa các tiếng có quan hệ bình đẳng về nghĩa.

⇨ Từ ghép đẳng lập.

b.

- Ái quốc: yêu nước
- Thủ môn: giữ cửa
- Chiến thắng: trận thắng

➔ Yếu tố chính đứng trước, yếu tố phụ đứng sau.

- Thiên thư: sách trời
- Bạch mã: Ngựa trắng
- Tái phạm: Phạm tội lần nữa

➔ Yếu tố phụ đứng trước, yếu tố chính đứng sau.

⇨ Từ ghép chính phụ.

2. Ghi nhớ (SGK/70)

II. Luyện tập

Bài 1 (SGK/70)

- Hoa (1): chỉ sự vật
- Hoa (2): sang trọng, lộng lẫy.
- Phi (1): bay
- Phi (2): trái ngược với đạo lí, pháp luật.
- Phi (3): vợ lẽ của vua
- Tham (1): Ham muốn
- Tham (2): dự vào, góp vào.
- Gia (1): nhà
- Gia (2): góp vào

III. Sử dụng từ Hán Việt

1. Sử dụng từ Hán Việt để tạo sắc thái biểu cảm

a. Ví dụ (SGK/81)

Từ Hán Việt	Từ Thuần Việt
Phụ nữ	Đàn bà
Tử trần	Chết
Mai táng	Chôn
Tử thi	Xác chết

➔ Từ Hán Việt tạo sắc thái trang trọng, tao nhã và tế nhị, tránh cảm giác ghê sợ.

- Kinh đô: Thủ đô
- Yết kiến: ra mắt.
- Trẫm, bệ hạ, thần: thường dùng trong xã hội phong kiến.

➔ Từ Hán Việt tạo sắc thái cổ xưa.

b. Ghi nhớ (SGK/82)

2. Không nên lạm dụng từ Hán Việt

c. Ví dụ (SGK/82)

- Dùng "đề nghị" là không cần thiết vì nhân vật giao tiếp là mẹ và con -> Câu 2 diễn đạt hay hơn.

- Dùng "nhi đồng" mang sắc thái trang trọng quá, không phù hợp -> Câu 2 diễn đạt hay hơn

➔ Không nên lạm dụng từ Hán Việt vì nó làm lời ăn tiếng nói thiếu tự nhiên.

d. Ghi nhớ (SGK/83)

I. Luyện tập

Bài 3 (SGK/83)

- Giảng hòa, cầu thân, hòa hiếu, nhan sắc tuyệt trần -> Tạo sắc thái cổ xưa.

II. DẶN DÒ

- Hoàn thành các bài tập còn lại.
- Xem lại nội dung bài.

Tiết 24: Văn bản:

BÀI CA CÔN SƠN (Côn Sơn ca - Trích)

Nguyễn Trãi

HƯỚNG DẪN TỰ ĐỌC

1. Cảnh vật Côn Sơn:

*Côn Sơn suối chảy rì rầm,
Côn Sơn có đá rêu phơi.
Trong rừng thông mọc như nêm,
Trong rừng có bóng trúc râm.*

- Gợi một thiên nhiên lâu đời, nguyên thủy.
- Gợi cảm giác thanh cao, mát mẻ, trong lành.
- Gợi vẻ đẹp ngàn xưa, thanh cao, yên tĩnh.

⇒ Ca ngợi vẻ đẹp Côn Sơn.

2. Nhân vật trữ tình:

*Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai,
Ta ngồi trên đá như ngồi chiếu êm,
Tìm nơi bóng mát ta lên ta nằm,
Trong màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn.*

- Điệp từ “ta” -> nhấn mạnh sự có mặt của tác giả ở mọi nơi đẹp của Côn Sơn.
- Sử dụng một loạt động từ (nghe, nằm, tìm, ngâm) -> tư thế làm chủ của con người trước thiên nhiên.

⇒ Ca ngợi sức sống thanh cao, hoà hợp giữa con người với thiên nhiên đẹp trong lành.

Thấy được tâm hồn thanh cao giàu cảm xúc - nhân cách trong sạch của Nguyễn Trãi.

BUỔI CHIỀU ĐỨNG Ở PHỦ THIÊN TRƯỜNG TRÔNG RA

(Thiên Trường vãn vọng)

Trần Nhân Tông

HƯỚNG DẪN TỰ ĐỌC

1. Cảnh chiều trong thôn xóm:

- Thời điểm: lúc chiều tà.
- Ánh sáng mờ ảo.
- Cảnh vật hiện lên không rõ nét, nửa hư, nửa thực, mờ ảo.

⇒ Gợi vẻ đẹp mơ màng, yên tĩnh nơi thôn dã.

2. Cảnh chiều ngoài cánh đồng:

- Hình ảnh: mục đồng, đôi cò trắng bay -> Dấu hiệu đặc trưng của đồng quê buổi chiều.

⇒ Gợi không gian thoáng đãng, cao rộng, yên ả, trong sạch. Gợi cuộc sống bình yên.

Bài thơ thể hiện tình yêu thiên nhiên tha thiết, sâu sắc của vị vua anh minh Trần Nhân Tông.

DẶN DÒ

1. Xem lại nội dung bài.
2. Đọc trước bài *Bánh trôi nước*.